

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KGVX
V/v triển khai thực hiện Quyết định
số 2244/QĐ-TTg ngày 13/10/2025
của Thủ tướng Chính phủ

Cần Thơ, ngày tháng 01 năm 2026

Kính gửi:

- Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường.

Thực hiện Quyết định số 2244/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến như sau:

1. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thu thập, tổng hợp thông tin, dữ liệu phục vụ tính toán các chỉ tiêu được phân công; xây dựng báo cáo đánh giá hiệu quả, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 15 tháng 4 hằng năm theo quy định;

b) Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị và địa phương vận dụng Bộ tiêu chí ban hành kèm theo Quyết định số 2244/QĐ-TTg để đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với đặc thù của ngành, lĩnh vực và địa phương;

c) Phối hợp với các cơ quan thông tin, truyền thông tăng cường phổ biến, công khai kết quả đánh giá, nâng cao nhận thức xã hội.

2. Giao Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung phân công tại Phụ lục kèm theo Công văn này, chủ động tổ chức thu thập, tổng hợp thông tin, dữ liệu phục vụ việc tính toán các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Khoa học và Công nghệ) trước ngày 10 tháng 4 hằng năm;

b) Vận dụng Bộ tiêu chí vào công tác đánh giá hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong nội bộ cơ quan, đơn vị; đồng thời, lồng ghép các chỉ tiêu liên quan vào bộ chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực và địa phương.

3. Đề nghị Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ

Chủ động phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch, chuyên trang, chuyên mục để tuyên truyền, phổ biến, công khai kết quả đánh giá; giới thiệu các mô hình, điển hình tiên tiến trong việc áp dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nhận được Công văn này, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Thành ủy;
- CT, các PCT UBND TP;
- NHNN Việt Nam chi nhánh KV14;
- Thống kê TP Cần Thơ;
- VP UBND TP (2C, 3C, 7);
- Lưu: VT, VHQ.

E:\2026\1.SKHCN\1.THop\19.TK_QĐ2244_TTg.doc

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Khởi

Phụ lục
BÁO CÁO TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỐI VỚI
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ CẦN THƠ
(Kèm theo Công văn số /UBND-KGVX ngày tháng 01 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Mã số	Nhóm, tên chỉ tiêu	Cơ quan Trung ương chủ trì theo Quyết định số 2244/QĐ-TTg	Sở, ban, ngành, đơn vị chủ trì, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại thành phố Cần Thơ	Sở, ban, ngành, đơn vị phối hợp, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại thành phố Cần Thơ
I. NHÓM TIÊU CHÍ ĐẦU VÀO				
0101	Nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ
0102	Đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	- Bộ Khoa học và Công nghệ; - Bộ Tài chính.	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ
II. NHÓM TIÊU CHÍ KẾT QUẢ				
II.1. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo				
0201	Số lượng bài báo của Việt Nam công bố trên tạp chí khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo
0202	Số lượng đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích của tổ chức, cá nhân Việt Nam	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương
0203	Số lượng bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cấp cho tổ chức, cá nhân Việt Nam	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các tổ chức, cá nhân khoa học và công nghệ liên quan
0204	Số lượng đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các tổ chức, cá nhân liên quan

Mã số	Nhóm, tên chỉ tiêu	Cơ quan Trung ương chủ trì theo Quyết định số 2244/QĐ-TTg	Sở, ban, ngành, đơn vị chủ trì, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại thành phố Cần Thơ	Sở, ban, ngành, đơn vị phối hợp, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại thành phố Cần Thơ
0205	Số lượng văn bằng bảo hộ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các tổ chức, cá nhân liên quan
0206	Số người được đào tạo thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ

II.2. Kết quả chuyển giao và ứng dụng

0207	Tỷ lệ sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản được ứng dụng, chuyển giao	- Bộ Khoa học và Công nghệ; - Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các địa phương.
0208	Giá trị chuyển giao của các sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản	- Bộ Khoa học và Công nghệ; - Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các địa phương.
0209	Số lượng hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được đăng ký và cấp phép	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các tổ chức, cá nhân liên quan
0210	Giá trị các hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được đăng ký và cấp phép	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các tổ chức, cá nhân liên quan

III. NHÓM TIÊU CHÍ HIỆU QUẢ

III.1. Hiệu quả kinh tế

0301	Tỷ trọng đóng góp KH&CN, ĐMST, CDS trong GRDP	- Bộ Tài chính; - Bộ Khoa học và Công nghệ.		- Thống kê thành phố; - Sở Khoa học và Công nghệ.
------	---	--	--	--

Mã số	Nhóm, tên chỉ tiêu	Cơ quan Trung ương chủ trì theo Quyết định số 2244/QĐ-TTg	Sở, ban, ngành, đơn vị chủ trì, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại thành phố Cần Thơ	Sở, ban, ngành, đơn vị phối hợp, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại thành phố Cần Thơ
0302	Đóng góp KH&CN, ĐMST, CDS vào tăng trưởng GRDP	- Bộ Tài chính; - Bộ Khoa học và Công nghệ.		- Thống kê thành phố; - Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương.
0303	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân	Bộ Tài chính	Thống kê thành phố	Sở, ban ngành liên quan và các địa phương

III.2. Hiệu quả đối với doanh nghiệp

0304	Tỷ trọng doanh thu từ sản phẩm mới	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương
0305	Tỷ lệ giảm chi phí quản lý, vận hành giảm nhờ chuyển đổi số	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban ngành liên quan và các địa phương

IV. NHÓM TIÊU CHÍ TÁC ĐỘNG

IV.1. Tác động kinh tế

0401	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	- Bộ Tài chính; - Bộ Khoa học và Công nghệ.		- Thống kê thành phố; - Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương.
0402	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	- Bộ Tài chính; - Bộ Khoa học và Công nghệ.		- Thống kê thành phố; - Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương.
0403	Giá trị gia tăng của sản phẩm các ngành kinh tế đóng góp vào GRDP	Bộ Tài chính	Thống kê thành phố	Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương

Mã số	Nhóm, tên chỉ tiêu	Cơ quan Trung ương chủ trì theo Quyết định số 2244/QĐ-TTg	Sở, ban, ngành, đơn vị chủ trì, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại thành phố Cần Thơ	Sở, ban, ngành, đơn vị phối hợp, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại thành phố Cần Thơ
0404	Tổng doanh thu của các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung	Bộ Khoa học và Công nghệ	Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ	Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương
0405	Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa	Bộ Tài chính	Sở Tài chính	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở Công Thương.
0406	Giá trị xuất khẩu CNTT	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương
0407	Doanh thu từ dịch vụ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp dịch vụ hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
IV.2. Tác động xã hội và môi trường				
0408	Tỷ lệ lao động làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ
0409	Tỷ lệ người dân được tiếp cận cơ hội học tập suốt đời	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương
0410	Tỷ lệ đơn vị hành chính áp dụng hệ thống giám sát, quản lý thông minh	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương

Mã số	Nhóm, tên chỉ tiêu	Cơ quan Trung ương chủ trì theo Quyết định số 2244/QĐ-TTg	Sở, ban, ngành, đơn vị chủ trì, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại thành phố Cần Thơ	Sở, ban, ngành, đơn vị phối hợp, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại thành phố Cần Thơ
0411	Mức độ số hóa tài nguyên văn hóa dân tộc	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương
0412	Mức độ đổi mới sáng tạo trong phát huy giá trị văn hóa dân tộc	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương
0413	Tỷ lệ cơ sở y tế ứng dụng công nghệ số trong khám, chữa bệnh	Bộ Y tế	Sở Y tế	Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương
0414	Tỷ lệ phủ sóng mạng di động băng rộng 5G trên dân số	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn
0415	Tỷ lệ giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt	- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; - Bộ Tài chính.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh khu vực 14	Sở Tài chính
0416	Tỷ lệ năng lượng tái tạo trong cơ cấu tiêu thụ năng lượng	Bộ Công Thương	Sở Công Thương	Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương
0417	Số lượng công nghệ môi trường được ứng dụng	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương

IV.3. Tác động quản trị và dịch vụ công

0418	Tỷ lệ kích hoạt tài khoản định danh điện tử cho người dân	Bộ Công an	Công an thành phố	
0419	Số lượng tài khoản VNeID của tổ chức, cá nhân	Bộ Công an	Công an thành phố	

Mã số	Nhóm, tên chỉ tiêu	Cơ quan Trung ương chủ trì theo Quyết định số 2244/QĐ-TTg	Sở, ban, ngành, đơn vị chủ trì, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại thành phố Cần Thơ	Sở, ban, ngành, đơn vị phối hợp, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại thành phố Cần Thơ
0420	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND thành phố
0421	Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên cổng Dịch vụ công quốc gia	Văn phòng Chính phủ	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND thành phố
0422	Mức độ hài lòng của người dân đối với các dịch vụ công trực tuyến	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương
0423	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND thành phố
0424	Số lượng giao dịch qua Nền tảng điều phối, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP)	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo
0425	Số lượng chứng thư chữ ký số đã cấp	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương

IV.4. Tác động tổng hợp

0426	Chỉ số Phát triển Chính phủ điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương
0427	Chỉ số An toàn thông tin mạng toàn cầu	Bộ Công an	Công an thành phố	Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương
0428	Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII)	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương
0429	Chỉ số Phát triển con người (HDI)	Bộ Tài chính	Thống kê thành phố	Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương

